

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-ST  
Ngày: 02-7-2021  
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lương Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tô Văn L, sinh năm 1985; Nơi cư trú: xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh Lê Văn Út E, sinh năm 1973; (có mặt)

2.2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người làm chứng:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1952; Nơi cư trú: xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Anh Tô Văn L, trình bày: Nguyên vào ngày 16/7/2019, anh Lê Văn Út E và chị Nguyễn Thị T có cho anh thuê phần đất ruộng 10,5 công tầm cắt với số tiền 46.200.000 với thời gian thuê hai năm; đồng thời, anh Lê Văn Út E và chị Nguyễn Thị T có cầm cố cho anh phần đất ruộng 05 công tầm cắt với số vàng là 05 cây vàng với thời gian thuê hai năm. Nhưng làm mới được một năm thì anh Út E và chị T lấy lại bán cho người khác, anh Út E và chị T có trả số vàng đã cố đất cho anh nhưng quy ra tiền thì còn nợ anh lại 4.000.000 đồng và còn nợ lại anh số tiền thuê một năm là 23.100.000 đồng, như vậy tiền thuê đất và cố đất còn nợ lại anh tổng cộng là 27.100.000 đồng (có biên nhận nợ do vợ chồng anh Út E và chị T lập ngày 26/11/2020) và hẹn đến ngày 26/3/2021 sẽ trả dứt, đến hạn trả thì anh Út E và chị T nói không có tiền trả cho anh. Nay anh kiện yêu cầu anh Lê Văn Út E và chị Nguyễn Thị T trả cho anh số tiền còn nợ là 27.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn Út E trình bày: Anh thừa nhận có cố đất và cho anh Tô Văn L thuê đất đúng theo lời trình bày của anh. Đến nay, anh và chị T còn nợ với anh L là 27.100.000 đồng. Do hiện nay anh chưa bán đất được nên anh chưa trả số tiền nợ cho anh L. Nay anh đồng ý cùng chị T trả số tiền này cho anh L.

Bị đơn và chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để hòa giải và xét xử theo quy định của pháp luật nhưng và chị T hoàn toàn vắng mặt.

Người làm chứng ông Lê Văn H trình bày: Vào ngày 26/11/2020, ông chứng kiến vợ chồng ông Lê Văn Út E và bà Nguyễn Thị T có biên nhận nợ của ông Tô Văn L, tiền thuê đất là 23.100.000 đồng và số tiền 05 cây vàng còn thiếu lại 4.000.000 đồng. Tổng số nợ là 27.100.000 đồng và đến ngày 26/3/2021 phải trả đủ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Tô Văn L, buộc anh Lê Văn Út E và chị Nguyễn Thị T trả số tiền 27.100.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tuy quá trình giải quyết vụ án thể hiện tranh chấp phát sinh giữa các đương sự xuất phát từ việc anh Tô Văn L thuê đất và cõ đất của anh Lê Văn Út E và chị Nguyễn Thị T để canh tác, nhưng việc thuê đất và cõ đất giữa các đương sự đã kết thúc, anh Lê Văn Út E và chị Nguyễn Thị T đã lấy lại phần đất cho thuê và cõ, chỉ còn tranh chấp số tiền cụ thể, do đó Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ tranh chấp của vụ án này là “Đòi lại tài sản” là đúng với bản chất của sự việc, được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và chị Nguyễn Thị T.

[3] Xét yêu cầu của anh Tô Văn L, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn anh Lê Văn Út E và chị Nguyễn Thị T có nợ tiền của anh Tô Văn L là có căn cứ, điều đó đã được thể hiện qua lời trình bày của bị đơn anh Lê Văn Út E đã thừa nhận việc cõ đất và thuê đất cho anh L và nay còn nợ lại anh L số tiền 27.100.000 đồng; ngoài ra còn được chứng minh bởi giấy cho thuê đất ruộng ngày 16/07/2019, biên nhận nợ ngày 26/11/2020 và qua lời làm chứng của ông Lê Văn H là anh Lê Văn Út E, chị Nguyễn Thị T có làm biên nhận nợ với anh L. Vì vậy, việc khởi kiện của anh L là có căn cứ, từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh L, buộc anh Út E và chị T phải trả số tiền 27.100.000 đồng theo yêu cầu của anh L.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chấp nhận toàn bị yêu cầu của nguyên đơn nên buộc các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 1.355.000 đồng; nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 91, 92, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn L. Buộc anh Lê Văn Út E và chị Nguyễn Thị T trả cho anh Tô Văn L số tiền 27.100.000 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Anh Lê Văn Út E và chị Nguyễn Thị T chịu 1.355.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Anh Tô Văn L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 677.000 đồng (sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013061 ngày 07/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Tô Văn L, bị đơn anh Lê Văn Út E có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lương Bằng**